

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 18/3/2025.

V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, xin ly hôn
và nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hồng;
2. Bà Lê Bích Loan.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Hà Thanh Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2025 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 86/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đinh Hữu C, sinh năm 1978; nơi cư trú: Tổ D, khóm A, thị trấn A, huyện A, tỉnh An Giang – Vắng mặt có đơn.

Bị đơn: Bà Lê Thị Huỳnh G, sinh năm 1985; nơi cư trú: tổ D, khóm A, thị trấn A, huyện A, tỉnh An Giang – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, ông Đinh Hữu C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của vợ chồng ông bà là tự tìm hiểu, yêu thương nhau được cha mẹ hai bên đồng ý tiến hành tổ chức lễ cưới, thực hiện đăng ký kết hôn vào ngày 30/7/2003 tại Ủy ban nhân dân thị trấn A.

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến năm 2013, vợ chồng ông phát sinh mâu thuẫn, ông đã nộp đơn đến Tòa án để yêu cầu ly hôn nhưng được gia đình hàn gắn, nhận thấy con còn nhỏ và bà G hứa hẹn sẽ thay đổi nên ông rút lại yêu cầu. C1 sống với nhau đến năm 2022, bà G không thay đổi khiến mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng nên ông tiếp tục nộp đơn để yêu cầu ly hôn, lần này cha mẹ hai bên cùng đồng nghiệp khuyên ngăn cho bà G cơ hội cuối cùng để thay đổi, giữ gìn hạnh phúc gia đình.

Tuy nhiên, bà G thời gian chỉ làm mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng dẫn đến bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn tiếng nói chung, không khí gia đình ngột ngạt tình cảm vợ chồng phai nhạt, mục đích hôn nhân không đạt được. Lần này, hai bên gia đình đã tích cực hàn gắn nhưng ông không thể chung sống hạnh phúc. Ông nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, bà G chung sống nhưng không thành thật với gia đình nên ông kiên quyết yêu cầu Tòa án xin ly hôn.

Về quan hệ con chung: Trong thời gian chung sống ông bà sinh được một người con chung tên Đinh Lê Gia P, sinh ngày 01/7/2007, ông đồng ý tiếp tục nuôi dạy con chung và không yêu cầu bà G cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông yêu cầu không tiến hành hòa giải mà đưa vụ án ra xét xử do ông kiên quyết ly hôn, không còn tình cảm với bà G.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì

về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Trong quá trình thụ lý, hòa giải Tòa án đã tiến hành cấp tổng đạt cho bà G theo quy định nhưng bà G vẫn không có mặt theo các thông báo của Tòa án. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú và tình trạng hôn nhân của ông C, bà G để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Chứng cứ mà Tòa án thu thập được:

Về nơi cư trú: Theo Biên bản xác minh của Công an thị trấn A ngày 13/02/2025 xác định bà G vẫn còn đăng ký hộ khẩu tại địa chỉ tổ D, khóm A, thị trấn A, huyện A, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, ông C vắng mặt có đơn; riêng bà G đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông bà theo thủ tục chung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ông Chí C1 sống với bà G đến năm 2024 thì không còn hạnh phúc nên ông khởi kiện yêu cầu được ly hôn, Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, nuôi con chung là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bà G hiện đang cư trú tại thị trấn A, huyện A. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, An Giang.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Hữu C, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về hôn nhân: Ông C và bà G tiến đến hôn nhân là do tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được hai bên gia đình đồng ý tiến hành tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn A vào năm 2003 nên phát sinh trách nhiệm pháp lý, phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên và được pháp luật bảo vệ theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Mặc dù Tòa án đã động viên và hòa giải nhưng ông C vẫn cương quyết xin được ly hôn với bà G. Tại phiên hòa giải, ông C yêu cầu không tiến hành hòa giải do không còn tình cảm và tại phiên tòa hôm nay ông C vắng mặt đã thể hiện việc không thể quay lại chung sống với bà G. Hội đồng xét xử xét thấy giữa ông C và bà G không có thời gian ly thân nhưng mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh từ năm 2013 kéo dài đến nay. Tuy gia đình hai bên đã nhiều lần lên tiếng nhưng cả hai không có giải pháp hàn gắn, việc ông C đã hai lần nộp đơn yêu cầu xin ly hôn với bà G đã cho thấy mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn được.

Trong quá trình tố tụng, bà G đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và đã biết nội dung vụ án; ngoài ra, bà cũng đã được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tham gia các phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng bà đều vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến phản đối về yêu cầu khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ mà phía ông C cung cấp. Do đó, căn cứ Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét thấy việc ông C trình bày là có cơ sở nên Hội đồng xét xử nhận định mâu thuẫn giữa ông C và bà G đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của ông C là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Đinh Lê Gia P, sinh ngày 01/7/2007, hiện nay con chung đang sống chung với ông C. Nếu Tòa án giải

quyết ly hôn ông C đồng ý tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu bà G cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, con chung hiện sống ổn định, đang đi học, việc thay đổi chỗ ở, hoàn cảnh sống đột ngột sẽ ảnh hưởng đến tâm sinh lý và sự phát triển của cháu sau này. Quan trọng hơn, cháu P có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng ông C nên việc tiếp tục giao con chung cho ông C nuôi dưỡng là phù hợp với hoàn cảnh và quy định của pháp luật.

[3.3] Về cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, ông C không yêu cầu bà G cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của ông.

Hội đồng xét xử giải thích cho các đương sự biết: Ông Chí C2 các thành viên gia đình không được cản trở bà G trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[4] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Ông C không yêu cầu Tòa án xem xét nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Ông C là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Các đương sự không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Hữu C.

1. Về hôn nhân: Ông Đinh Hữu C được ly hôn với bà Lê Thị Huỳnh G.

2. Về con chung: Ông Đinh Hữu C được tiếp tục nuôi cháu Đinh Lê Gia P, sinh ngày 01/7/2007. Công nhận sự tự nguyện của ông C không yêu cầu bà G cấp dưỡng nuôi con.

Ông C cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà G trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí: Ông Đinh Hữu C phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010253 ngày 15/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú. Ông C đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 18/3/2025), các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo đối với người vắng mặt được tính kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

*** Nơi nhận: THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND tỉnh AG (1);
- VKS tỉnh AG (1);
- VKS huyện AP (2);
- THADS huyện AP (1);
- UBND xã nơi ĐKKH (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu VP (1);
- Lưu HS (1).

Nguyễn Thị Thảo Ngân